

## VÀI DẤU VẾT VĂN CHƯƠNG CHIÊU ANH CÁC Ở HOA NAM

CAO TỰ THANH\*

*Tóm tắt:* Căn cứ vào các tư liệu hiện có ở Trung Quốc, bài viết chỉ ra một số chi tiết sai lầm và thiếu sót trong các thư tịch cổ Việt Nam về tác giả và tác phẩm văn chương Chiêu Anh Các, ví dụ Uông Hậu Lai 汪後來 trước nay đều được ghi là Uông Hễ Lai 汪後來, hay ba bài thơ *Hà Tiên thập vịnh* của Hoàng Khoan chưa được học giới Việt Nam biết tới.

Trong phần kết luận, bài viết cho rằng cần chú ý nhiều hơn tới những dấu vết về văn chương Chiêu Anh Các hiện còn trong các tư liệu về lịch sử và văn học Hoa Nam thời Thanh.

*Từ khóa:* Hà Tiên, Chiêu Anh Các, Hoa Nam, văn học Hán Nôm

*Abstract:* Based on existing documents in China, this article points out some incorrect details and omissions in ancient Vietnamese documents about the author and literary works of Chieu Anh Cac, for example, Uong Hau Lai 汪後來 has always been recorded as Uong He Lai 汪後來, or the three poems *Ha Tien Thap Vinh* by Hoang Khoan are not known to Vietnamese scholars. In the conclusion, this article argues that more attention should be paid to the traces of Chieu Anh Cac literature that still exist in documents on history and literature of Southern China during the Qing Dynasty.

*Keywords:* Ha Tien, Chieu Anh Cac, Hoa Nam, Sino-Nom literature

Qua một số thư tịch như *Phủ biên tạp lục*, *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn thế kỷ XVIII, *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức thế kỷ XIX rồi một số công trình như *Hà Tiên Mạc thị sử*, *Văn học Hà Tiên* của Đông Hồ thế kỷ XX, nhiều người đã biết tới Tao đàn Chiêu Anh Các với các tác phẩm *Hà Tiên thập vịnh*, *Thụ Đức hiên tứ cảnh*, nhưng đáng tiếc là chủ yếu mới chỉ có thế. Nói là mới chỉ có thế vì chỉ trong phạm vi các tư liệu hiện được biết tới, những dấu vết của văn chương Chiêu Anh Các ở Hoa Nam còn phong phú hơn nhiều.

Một vấn đề phức tạp và khó khăn khi tìm hiểu văn chương Chiêu Anh Các là tiêu

sử các tác giả. Tạm gác qua một bên những sai biệt do quá trình sao chép dẫn tới như Phan Thiên Quảng - Phan Văn Quảng - Phan Đại Quảng, Trần Trinh - Trần Ngoan (thậm chí mấy chữ 陳子淮水 Trần tử Hoài Thủy trong một bản chép tay có hai chữ 淮水 bị “chập” khiến có người lầm là hoài trên thập dưới tức 準 nên đọc Trần tử Hoài Thủy thành Trần Tử Chuẩn), nhiều người chỉ có thể tìm hiểu vấn đề này chủ yếu qua ba danh sách khác nhau về thành viên của Tao đàn Chiêu Anh Các hiện còn trong thư tịch Hán Nôm Việt Nam.

1. Danh sách các tác giả *Thụ Đức hiên tứ cảnh* theo *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý

\* Thành phố Hồ Chí Minh

Đôn gồm 33 người trong đó có Mạc Thiên Tích, Dư Tích Thuần, Uông Hễ Lai, Thái Đạo Pháp, Trần Thành Bích, Phương Thu Bạch, Trần Trí Khải, Lưu Chương, Trần Diệu Liên, Đỗ Văn Hồ.

2. Danh sách các tác giả *An Nam Hà Tiên thập vịnh* theo *An Nam Hà Tiên thập vịnh* A.441 gồm 32 người trong đó có Mạc Thiên Tích, Dư Tích Thuần, Trần Trí Khải, Chu Phác, Trần Dục Uyên<sup>1</sup>.

Về 31 người họa thơ *Hà Tiên thập vịnh*, ngoài *An Nam Hà Tiên thập vịnh* A.441 còn có danh sách của Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* chia ra 25 văn nhân Bắc quốc và 6 văn nhân Nam quốc, trong đó 6 văn nhân Nam quốc (không kể Mạc Thiên Tích) là Trịnh Liên San, Phan Văn Quảng, Nguyễn Nghi, Trần Trinh, Đặng Minh Bản và Mạc Triều Cẩng.

3. Danh sách những người tham gia Tao đàn Chiêu Anh Các theo *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức gồm 15 văn nhân Phúc Kiến, 13 văn nhân Quảng Đông, 4 văn nhân phủ Triệu Phong là Phan Đại Quảng, Nguyễn Nghi, Trần Ngoan, Đặng Minh Bản, 2 văn nhân phủ Gia Định là Trịnh Liên San, Lê Bá Bình và 2 nhân vật khác là Hòa thượng Hoàng Long ở Qui Nhơn, Đạo sĩ Tô Dân ở Phúc Kiến<sup>2</sup>. Danh sách trong *Gia Định thành thông chí* không có Trần Trí Khải, Dư Tích Thuần, Phương Minh, Mạc Triều Cẩng, Tôn Quý Mậu có tên trong *Hà Tiên thập vịnh*, còn Tạ Chương<sup>3</sup>, Vương Đắc Lộ, Lương Hoa Phong, Lư Triệu Oánh, Lê Bá Bình, hòa thượng Hoàng Long và đạo sĩ Tô Dân có tên lại không có thơ trong cả *Hà Tiên thập vịnh* lẫn *Thụ Đức hiền tứ cảnh*,

tình hình này phản ánh sự tàn khuyết của tư liệu về thành viên Hội Tao đàn trên gác Chiêu Anh.

Ngoài ra *Việt Nam văn hiến* của Lý Văn Hùng còn thêm vào danh sách thành viên Tao đàn Chiêu Anh Các một số người như Bạch Vân hòa thượng, Yên Hà công, Dương Tố am<sup>4</sup>. Trong bản *Gia phả họ Mạc* hiện được lưu giữ tại Đông Hồ thi nhân kỷ niệm đường, thị xã Hà Tiên có một bài thơ chữ Hán nhan đề *Bạch Vân hòa thượng thi*, toàn văn như sau “Chiêu Anh các thượng hữu sơn nhân, Hải thượng thụ vi nhật đắc chân. Không sắc sắc không không thị sắc, Thiên môn tự tín nhất nhân dân/ Chiêu Anh trên gác lánh hồng trần, Ngoài biển ai người biết giả chân. Không sắc sắc không không ấy sắc, Cửa thiên tin có kẻ nhân dân”, xem ra rất có thể vị Bạch Vân hòa thượng này vốn là người Trung Quốc nhưng đắc tội với chính quyền nhà Thanh nên tìm qua Hà Tiên nép mình giấu sáng, cũng rất có thể chính là nhân vật Hoàng Long trong *Gia Định thành thông chí* mà cũng là Huỳnh Lung trong *Đại Nam liệt truyện Tiền biên* (quyển 6, mục Cao tăng).

Việc tìm hiểu các tác giả Trung Hoa ở đây dĩ nhiên nhằm thu thập tư liệu về văn chương Chiêu Anh Các. Nhưng một người tìm hiểu Chiêu Anh Các trong nhiều năm và rất có ý thức tìm hiểu các sách danh nhân truyện ký Trung Quốc như Đông Hồ đến *Văn học Hà Tiên* 1970 cũng chỉ mới tìm ra bốn người là Vương Sưởng, Dư Tích Thuần được ghi trong *Quảng Đông thông chí* và Hoàng Long, Trần Minh Hạ được ghi trong *Phúc Kiến liệt truyện*<sup>5</sup>. Tuy nhiên cần nói ngay rằng Vương Sưởng ấy chưa chắc là “Phiên Ngung Vương Sưởng Nhật

Vĩnh” hay Trần Minh Hạ tự Lôi Nhược ấy không phải “Minh Hương Trần Minh Hạ Thiên Văn” từng họa thơ *Hà Tiên thập vịnh*. Việc tìm hiểu các văn nhân Trung Hoa tham gia Tao đàn Chiêu Anh Các qua thư tịch Trung Quốc do đó không thể chỉ gói gọn trong mảng sách địa phương chí mà phải mở rộng ra nhiều sách vở hơn. Sau đây là tiểu sử vắn tắt của một số văn nhân Trung Hoa tham gia Tao đàn Chiêu Anh Các qua các tư liệu hiện có:

\* Vương Suồng, người Thuận Đức Quảng Đông thời Thanh, tự Nhật Vĩnh. Chư sinh. Trong niên hiệu Ung Chính dự khoa Bác học hoành từ nhưng không đỗ. Hay thơ, có *Liễu Đường tập*.

\* Chu Phác, người Hử Thụ Quan Tô Châu Giang Tô, tự Uẩn Ngọc. Giỏi nghề thuốc. Học tranh sơn thủy được yêu chí của Nghệ Toàn, lúc Càn Long Nam tuần có dâng tranh.

\* Trần Dục Uyên, *Đạo Quang tục tu Đồng Thành huyện chí* năm Đạo Quang thứ 7 (1827), quyển 16 (*Nhân vật chí, Văn uyển, phụ Ấn dật, Nghệ thuật, Lưu ngụ*) có ghi tên, có thể là Ngân Đồng Trần Dục Uyên với nội dung như sau “Trần Dục Uyên, tự Âm Hòa, Quốc tử giám sinh, học hành thông mẫn, thích làm điều thiện. Trong tông tộc có người đàn bà góa rất nghèo, hàng năm đều giúp cho củi gạo để giữ vẹn danh tiết”.

\* Dư Tích Thuần, người Thuận Đức Quảng Đông thời Thanh, từ Cống sinh làm quan tới chức Huấn đạo, có *Ngũ Sơn đường tập*.

Dư Tích Thuần có tham gia biên soạn bộ *Quảng Đông thông chí* do Tổng đốc

Quảng Đông Hách Ngọc Lân chủ biên hoàn thành năm 1731, trong phần chức danh những người tham gia biên soạn thấy ghi là Huấn đạo huyện Dương Giang.

Lăng Dương Tảo biên soạn *Quốc triều Lĩnh Nam thi sao* (Gia Khánh thứ 25 - 1820), quyển 5 có ghi về quan hệ giữa Mạc Thiên Tích và Dư Tích Thuần “Trần Hà Tiên nước An Nam có phiên tướng họ Mạc, thấy thơ của Ngũ (Tích Thuần tự Kiêm Ngũ) chỗ thương nhân ra nước ngoài rất hâm mộ, cứ khi thuyền buôn trở về là gửi thổ sản đổi thơ mới”<sup>6</sup>.

Bốn người Vương Suồng, Chu Phác, Trần Dục Uyên, Dư Tích Thuần có tham gia sáng tác *Hà Tiên thập vịnh*. Trong đó Dư Tích Thuần tuy có thơ nhưng Mạc Thiên Tích không in<sup>7</sup>, chỉ in bài bạt tức bài *Hà Tiên thập vịnh bạt nhất*. Ngoài ra Trần Trí Khải cũng có bài *Hà Tiên thập vịnh bạt nhị* in trong tập này.

\* Phương Thu Bạch, người Nam Hải Quảng Đông thời Thanh, tự Hy Văn, lại tự Ký Thôn. Thích du ngoạn, những nơi vết chân đi tới có hơn vạn dặm. Trước tác có *Bình tích thảo. Quốc triều thi nhân trung lược sơ biên, Quảng Tây thông chí* có ghi nhận về ông.

Ngoài ba người Dư Tích Thuần, Phương Thu Bạch, Trần Trí Khải tham gia sáng tác *Thụ Đức hiên tứ cảnh* trong đó Phương Thu Bạch còn viết lời tựa, có một tác giả khá đặc biệt cũng góp mặt trong tập thơ này là Ônng Hậu Lai.

\* Về Ônng Hậu Lai 汪後來 (các bản *Kiến văn tiểu lục* hiện được biết tới đều lầm là Ônng Hễ Lai 汪篔來), *Trung Quốc nhân danh đại tự điển* ghi “Người Phiên Ngung

thời Thanh, tự Lộc Cương, lại tự Bá Ngạn. Đời Khang Hy đỗ Cử nhân võ, theo Trương Vũ tướng quân làm Tham quân. Trong đời Càn Long được tiến cử dự khoa Bác học hoành từ, thác bệnh không đi. Hay thơ, kiêm giỏi thư họa. Có *Vương Hữu thừa thi tiên, Đỗ Công bộ thi chú, Thư sử, Lộc Cương thi tập*".

*Trung văn đại từ điển* ghi "Ông Hậu Lai, người Phiên Ngung thời Thanh, tự Lộc Cương, lại tự Bá Ngạn (Bạch Ngạn). Đời Khang Hy đỗ Cử nhân võ, trong đời Càn Long được tiến cử dự khoa Bác học hoành từ. Giỏi thơ và thư họa. Có trước tác *Vương Hữu thừa thi tiên, Đỗ Công bộ thi chú, Thư sử, Lộc Cương thi tập*".

Trần Vĩnh Chính trong *Lĩnh Nam thư pháp sử (tu đính bản)*, Quảng Đông Nhân dân xuất bản xã, 2011 cho biết "Ông Hậu Lai (1677 - 1745?), tự Bá Ngạn, hiệu Lộc Cương, người Phiên Ngung. Năm Khang Hy thứ 41 (1702) đỗ Cử nhân võ, giữ chức Thiên tổng ở Phật Sơn. Tính cao khiết, lặn lẽ yên phận nghèo, thơ hay vẽ giỏi, từng cùng bọn Lương Bội Lan kết thi xã xướng họa".

Ngoài ra có tư liệu khác cho biết Ông Hậu Lai "Đỗ Cử nhân võ năm Khang Hy thứ 41 (1702), được Đề đốc Hoàng Đăng sai làm Tham quân. Đầu niên hiệu Ung Chính được tiến cử dự khoa Bác học hoành từ, vì bệnh nên từ chối. Cuối đời về hưu, du ngoạn sơn thủy, bán tranh để sống. Về tranh sơn thủy học cả Hoàng Công Vọng và Ngô Trấn, cũng giỏi vẽ hoa cỏ. Vua các nước vùng Nhật Nam cũng sai người vượt biển đem tiền tới mua thư họa không ngớt. Tính cao khiết, cam phận nghèo, không khinh dị vẽ tranh. Hay thơ, lúc làm Thiên

tổng ở Phật Sơn từng đề xướng việc lập Phần Giang thi xã. Có *Phần Giang xã thi tuyển, Lộc Cương thi tập*"<sup>8</sup>.

Sự xuất nhập giữa các tư liệu khác nhau như trên là điều dễ hiểu, nhưng Ông Hậu Lai đây chính là "Ông Hễ Lai" từng tham gia sáng tác *Thụ Đức hiên tứ cảnh*. Bên cạnh đó, những chi tiết như Ông Hậu Lai cuối đời "bán tranh để sống" và "vua các nước vùng Nhật Nam cũng sai người vượt biển đem tiền tới mua thư họa không ngớt" còn cho thấy Mạc Thiên Tích từng sai người tới mua thư họa để làm quen với ông tương tự như với Dư Tích Thuần.

Một vấn đề còn phức tạp và khó khăn hơn khi tìm hiểu văn chương Chiêu Anh Các là nguyên bản - văn bản tác phẩm. Chỉ nói những tác phẩm đã khắc in, thì *Thụ Đức hiên tứ cảnh* có 88 bài thơ nhưng Lê Quý Đôn chỉ chép có 9, theo lý phải còn 79 bài và bài tựa của Phương Thu Bạch, một phần trong số ấy có thể vẫn còn trong nhiều thi tập, hợp tập của các tác giả Hoa Nam. Ngay thơ *Hà Tiên thập vịnh* cũng không phải chỉ có 340 bài của 34 tác giả như hiện nay đã biết mà còn nhiều hơn. Sau đây là một ví dụ.

Ông Hậu Lai từng viết bài tựa cho tập *Tự Nhiên đường thi tập* 自然堂詩集 của Hoàng Khoan<sup>9</sup> năm 1749 (bản in *Tự Nhiên đường di thi* 自然堂遺詩 năm 1926 gọi là bài *Nguyên tự* - ảnh 1). Dĩ nhiên Hoàng Khoan chưa bao giờ được học giới Việt Nam coi là một tác giả *Hà Tiên thập vịnh*, nhưng tập thơ này có ba trong mười bài *Hà Tiên thập vịnh* là *Lư Khê ngư bạc*, *Giang Thành dạ cổ* và *Thạch Động thôn vân* của ông, đều không có trong *An Nam*

*Hà Tiên thập vịnh* A.441. Sau đây là bài *Lư Khê ngư bạc* (ảnh 2): *Nhất khúc thanh Khê nhận Vũ Lăng*,

*Liệu hoa thâm xír quải ngư tấng.  
Lư phi chính ức thu phong tảo,  
Vụ hạ phương tri thủy nguyệt trờng.  
Bạch thủ phi Tần diệc phi Hán,  
Thương giang như luyện phục như băng.  
Ca hàm bất yếm thanh cô bạc,  
Do hướng lân chu cường lạp bằng.*

Một đoạn khe trong ngõ Vũ Lăng,

Cỏ dày hoa rợp lưới giăng giăng.  
Cá ngon đang nhớ thu đưa gió,  
Cò xuống vừa hay nước loáng trắng.  
Tóc bạc không Tần cũng không Hán,  
Sông xanh như lụa lại như băng.  
Say ca rượu nhạt lòng không chán,  
Còn ép thuyền bên uống mấy lần.

Bài *Hà Tiên thập vịnh tự tự* của Mạc Thiên Tích cho biết mùa xuân năm Bính Thìn 1736 Trần Hoài Thủy tức Trần Trí Khải từ Quảng Đông qua Hà Tiên chơi, mùa thu trở về, Thiên Tích đưa mười đầu đề *Hà Tiên thập vịnh* nhờ Trí Khải mời các văn nhân Hoa Nam họa vắn. Trí Khải mời gọi được một số người, năm 1737 đóng thành một tập gửi qua Hà Tiên, Thiên Tích bèn cho khắc in. Chắc chắn Hoàng Khoan là một trong những người nhận lời mời của Trí Khải, nhưng có thể vì không (hay không kịp) viết đủ mười bài nên không gửi, vì vậy tập di thi của ông chỉ in có ba bài, nhưng chưa chắc đây là trường hợp duy nhất có thơ *Hà Tiên thập vịnh* mà không gửi. Ngoài ra hiện có nhiều bằng chứng về việc Mạc Thiên Tích có thư từ qua lại và thơ văn tặng đáp với một số văn nhân Hoa

Nam, đây cũng là một mảng tư liệu cần được quan tâm.

Trong văn học Hán Nôm Việt Nam nói chung cũng như văn học Đàng Trong hay văn học Nam Bộ nói riêng, Chiêu Anh Các là một hiện tượng vô cùng đặc biệt. Trong lịch sử không có địa phương nào ở Việt Nam qui tụ được một tao đàn đông đảo hàng trăm người như Tao đàn Chiêu Anh Các, còn về văn hóa cũng không có quốc gia Đông Nam Á nào có người Hoa tới cư trú tạo ra được một bộ phận văn học như văn chương Chiêu Anh Các. Cho nên trong ý nghĩa là một kết hợp độc đáo giữa ý thức Đại Việt với nghệ thuật Hoa Nam, văn chương Chiêu Anh Các cần được quan tâm thích đáng hơn nữa, đồng thời một vài dấu vết nêu trên cho thấy hiện còn nhiều tư liệu có liên quan với văn chương Chiêu Anh Các mà học giới Việt Nam còn chưa biết tới trong văn học Hoa Nam thời Thanh./.

**C.T.T**

### **Chú thích**

1. Thơ *Hà Tiên thập vịnh* hiện được biết tới ở Việt Nam có 340 bài, gồm 320 bài trong *An Nam Hà Tiên thập vịnh* A.441, 10 bài của Nguyễn Cư Trinh được Lê Quý Đôn chép lại trong *Phủ biên tạp lục* và 10 bài của Dư Tích Thuần do Cao Tự Thanh (2006) công bố trong *Mười bài thơ Hà Tiên thập vịnh của Dư Tích Thuần*, *Tạp chí Hán Nôm* số 2.

2. *Gia Định thành thông chí*, bản in chữ Hán (2019), Khánh Ứng đại học Ngôn ngữ Văn hóa nghiên cứu sở, Đông Kinh, *Cương vực chí*.

3. Tạ Chương là một người Trung Hoa qua Hà Tiên rồi chết ở đó, mộ hiện còn trên núi Lăng (Bình San, Hà Tiên) với bia mộ ghi “Đại Thanh Trung nghĩa đại phu (mất một chữ)

Chương tự Văn Khuê Tạ tiên sinh chi mộ” lập năm Mậu thìn tức 1748. Xem thêm Trần Kinh Hòa (1969), *Hà Tiên Mạc thị thế hệ khảo*, *Hoa Cương học báo*, số 5.

4. Lý Văn Hùng (1971), *Việt Nam văn hiến*, Thiên Nam Hán viện, Sài Gòn, tập II, tr. 11.

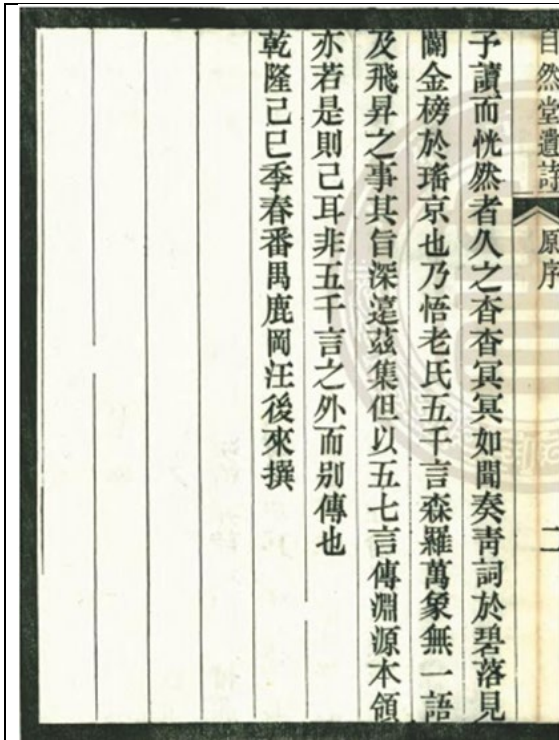
5. Đông Hồ (1970), *Văn học Hà Tiên*, Quỳnh Lâm, Sài Gòn, tr. 119.

6. Dẫn lại theo Trần Kinh Hòa (1963), *Hà Tiên Mạc thị sự tích khảo (thượng)*, *Tân Á sinh hoạt*, ngày 9 tháng 4 năm Dân quốc thứ 54.

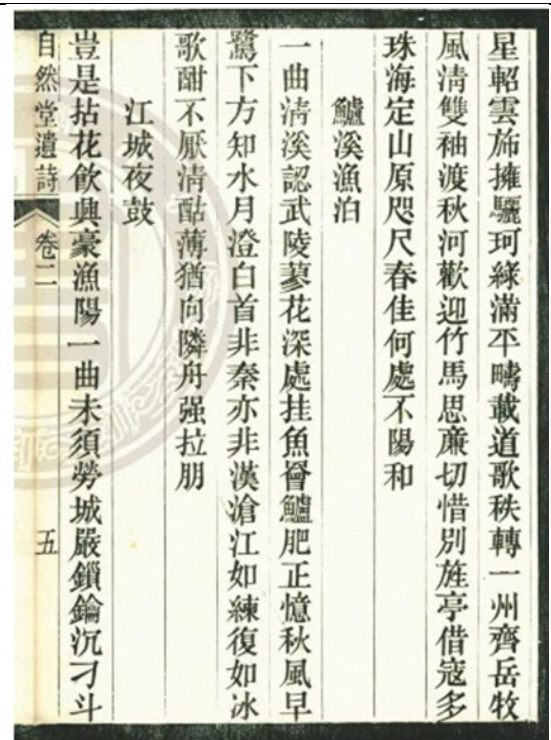
7. Xem thêm Cao Tự Thanh (2006), “Mười bài thơ Hà Tiên thập vịnh của Dư Tích Thuần”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2.

8. Xem thêm Chu Vạn Chương (2023), “Uông Hậu Lai họa nghệ tổng luận kiêm đàm Uông Hậu Lai dữ Áo Môn chi quan hệ”, *Văn hóa tạp chí*.

9. Hoàng Khoan tự Hạc Đường, người Phiên Ngung Quảng Đông, ngụ ở quán Trung Hư núi La Phù, có *Tự Nhiên đường thi tập*, khắc in lần đầu năm Càn Long thứ 14 (1749), nay đã ít thấy. Năm 1919 hậu duệ mua được một bản sao, đến 1926 cho in lại với tên gọi *Tự Nhiên đường di thi*, đầu sách có bài *Nguyên tự* của Uông Hậu Lai.



Ảnh 1. Phần sau bài  
*Tự Nhiên đường di thi nguyên tự*



Ảnh 2. Bài *Lư Khê ngư bạc* trong  
*Tự Nhiên đường di thi nguyên tự*